TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1993; HKTT: Tổ X, ấp Y, xã Z, huyện H, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1989; HKTT: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà A trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2015. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 17/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Thừ tháng 10 năm 2018 đến nay, bà A và ông B không còn chung sống với nhau. Hiện nay, bà A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B để không làm khổ cho cả hai.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa bà A và ông B có 01 con chung tên C, sinh ngày 13/8/2016. Theo đơn xin ly hôn bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Theo đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 05/4/2019 và tại phiên tòa, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn (ông B)

Ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2018; 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà A; bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bản tự khai của bà A; bản sao giấy khai sinh của C; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của ông B.

Lời khai tại bản tự khai của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, con chung, cũng như mâu thuẫn vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà A khởi kiện ông B về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng C, sinh ngày 13/8/2016, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi. Ông Toàn có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà A có mặt, ông B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2015. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 10/2016 ngày 17/02/2016. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Theo kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân thể hiện bà A và ông B thường xuyên cãi nhau, tại thời điểm xác minh (ngày 22/02/2019) bà A không còn chung sống với ông B Tại phiên tòa, bà A trình bày đã về nhà cha mẹ ruột tại xã Z, huyện H, tỉnh Bình Phước sinh sống. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác. Giữa bà A và ông B không có thỏa thuận với nhau về việc mỗi người sống một nơi, nhưng đã không còn chung sống với nhau trong khoản thời gian tương đối dài. Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông B như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông B và bà A có cơ hội hòa giải, hàn gắn với nhau, thế nhưng ông B vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này cho thấy ông B không mong muốn hòa giải với bà A để hàn gắn tình nghĩa vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu ly hôn của bà A là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 13/8/2016 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên ông B

cố tình vắng mặt cũng không cung cấp ý kiến cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Mặc khác, con chung C chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con, nên việc giao con chung C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố t ụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của bà A đối với ông B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

2. Về con chung: Bà A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 13/8/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012826 ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 14/5/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Lan